TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2022/HNGĐ- ST Ngày: 21/7/2022 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng;

Ông Nguyễn Bá Viện.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký TAND huyện Thuận Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Thác O, xã Vĩnh K, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

HKTT: Thôn Bùi X, xã Ngũ T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo chị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống cùng nhau từ năm 2012 tại quê chị ở thôn Thác O, xã Vĩnh K, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và có 02 con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15/02/2013 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/02/2014.

Sau khi sinh cháu N1 được khoảng 9 - 10 tháng thì anh D bị bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải đi chấp hành án tại Trại giam Như Xuân ở tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 06/02/2014 thì chị sinh cháu T. Trong thời gian anh D phải chấp hành án chị vẫn đi lại thăm nuôi anh D và đi lại với gia đình anh D. Đến khoảng năm 2018 thì anh

D ra trại, anh D về chung sống cùng chị thôn Thác Ông, xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Kiên. Được khoảng một năm thì vợ chồng và các con chị chuyển về quê anh D ở Thuận Thành sống. Vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì giữa chị và anh D xảy ra mâu thuẫn nên chị mang hai con về quê ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau đó chị được biết anh D lại bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Từ khi anh D bị bắt và phải đi chấp hành án đến nay, chị cũng không đi lại thăm nom anh D nữa. Nay chị xác định giữa tình cảm giữa chị và anh D không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15/02/2013 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/02/2014. Chị chung sống cùng D từ năm 2012 nhưng do lúc đó anh D đã có vợ nhưng chưa ly hôn nên chị không thể khai sinh anh D là cha đẻ của 02 cháu N1 và cháu Trân được vì vậy trong giấy khai sinh của 02 cháu chỉ có tên mẹ chứ không có tên anh D (là bố đẻ) của các cháu. Đến năm 2018, sau khi anh D ly hôn xong và ra trại thì chị và anh D mới đi đăng ký kết hôn. Vì vậy chị khẳng định cháu N1 và cháu T là con đẻ của anh D.

Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị xác nhận giữa chị và anh D không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì khác.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn D có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai, anh D xác nhận lời trình bày của chị Nguyễn Hồng N về quá trình chung sống, thời gian đăng ký kết hôn là đúng. Nay chị N làm đơn ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị N có hai con chung như chị N trình bày là đúng. Do lúc chị N sinh cháu Nguyễn Bảo N1 và Nguyễn Bảo T, giữa anh và chị N chưa đăng ký kết hôn nên trong Giấy khai sinh của hai cháu chỉ có tên mẹ (là chị N), không có tên bố nhưng anh xác nhận hai cháu là con ruột của anh. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D và đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho chị được nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xử

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N được chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15/02/2013 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/02/2014.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 15/8/2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2020 và hiện nay anh D đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn. Nay chị N có đơn ly hôn, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D sinh được hai con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15/02/2013 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/02/2014. Mặc dù cháu N1 và cháu T được sinh ra trước ngày chị N và anh D đăng ký kết hôn tuy nhiên cả chị N và anh D đều thừa nhận cháu N1 và cháu T là con chung. Vì vậy căn cứ Điều 88 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định cháu Nguyễn Bảo N1 và cháu Nguyễn Bảo T là chung của chị N và anh D.

Khi vợ chồng ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Phía anh D cũng đồng ý nên cần chấp nhận và giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15/02/2013 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/02/2014.

Sau ly hôn các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005532 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THADS huyện Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu